

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 274/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 785/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Ngọc N, sinh năm: 1989 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 176/5B Quốc lộ X, tổ 1, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số 589 Quốc lộ X, khu phố 5, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Tấn V, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 176/5B Quốc lộ X, tổ 1, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 25/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Cao Ngọc N trình bày:*

Bà và chồng là ông Lâm Tấn V xây dựng gia đình năm 2015, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C vào ngày 12/10/2015.

Sau khi xây dựng gia đình với nhau, vợ chồng bà sống bên gia đình chồng tại xã T, huyện C, sống có hạnh phúc. Năm 2017 do tính chất nghề nghiệp nên bà ra ngoài thuê nhà mở tiệm áo cưới riêng, vì công việc bận rộn nên bà ở luôn tại tiệm áo cưới,

trong khoảng thời gian chung sống, ông V không có việc làm ổn định, thường xuyên cờ bạc gây ra nợ nần, chủ nợ nhấn tin đòi nợ liên tục, bà phải phụ trả để gia đình được yên, kinh tế gia đình do bản thân bà gồng gánh lo toan, từ năm 2018 ông V chỉ ở nhà, không đi làm nhưng ông V thường tới tiệm áo cưới của bà để kiếm chuyện, dùng những lời lẽ không đúng mực để chửi mắng bà, ông V còn đánh bà nhiều lần, có gần gây thương tích phải đi bệnh viện, nhân viên tại tiệm áo cưới của bà cũng bị ông V đánh gây thương tích, bà có khuyên nhưng ông V không nghe, gia đình chồng cũng bênh vực ông V. Bà đã suy nghĩ rất nhiều mới gửi đơn xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá lớn, không thể sống chung với nhau được nữa, ông V còn đe dọa không để bà yên. Do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Bà và ông V có 01 con chung tên Lâm Khánh B, sinh ngày 22/6/2016, con chung hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung vợ chồng không có. Tiệm áo cưới do bà tự thân gây dựng, có vay mượn bên gia đình bà, ông V không có đóng góp gì. Nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 22/12/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Lâm Tấn V trình bày:*

Ông và bà Cao Ngọc N tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2015, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại nhà cha mẹ ông, thời gian đầu có hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2017, nguyên nhân do bà N ra ngoài làm ăn riêng không về nhà, không chăm lo gia đình, có những lời lẽ không đúng với ông, bản thân ông do công việc không ổn định nên không phụ giúp được nhiều về kinh tế, hiện ông đang ở nhà chăn nuôi gà nhưng công việc cũng không tốt. Ông thừa nhận có lúc nóng giận cũng có đánh vợ và nhân viên ở tiệm. Ông có gây ra nợ nần nhưng gia đình ông lo, bà N không phụ trả nợ như lời bà N nói. Dù có nhiều việc xảy ra như vậy nhưng ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ, ông còn thương vợ, ông không muốn ly hôn.

Vợ chồng ông có 01 con chung đúng như bà N trình bày, ông không tranh giành con chung, ông sẽ phụ lo cho con trong khả năng của ông.

Về tài sản chung ông cũng có phụ vợ ông mở tiệm áo cưới, tuy nhiên vợ ông nói không có thì ông cũng không có ý kiến gì, nợ chung không có, chỉ có nợ riêng của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 25/11/2021, bà Cao Ngọc N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Lâm Tấn V, con chung có 01 cháu bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị

đơn là ông V cư trú tại số 176/5B Quốc lộ X, tổ 1, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Lâm Tấn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông V nhận trực tiếp các văn bản tố tụng nêu trên) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Cao Ngọc N và ông Lâm Tấn V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 182/CNKH, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 12/10/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà N thì bà và ông V tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống bên gia đình ông V, có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra do ông V không có việc làm ổn định, cờ bạc gây ra nợ nần làm bà phải phụ trả nợ, ông V còn làm ảnh hưởng đến công việc tại tiệm áo cưới của bà, chửi mắng và đánh bà gây thương tích, đe dọa bà, bà nhận thấy giữa bà và ông V không còn hạnh phúc, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông V không đến Tòa án để hòa giải, ông không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí sửa đổi, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông V là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà N và ông V có 01 con chung tên Lâm Khánh B, sinh ngày 22/6/2016, bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu B hiện đang sống cùng mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà N, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà N và ông V xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N và ông V xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Cao Ngọc N về việc cho ly hôn giữa bà Cao Ngọc N và ông Lâm Tấn V.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 182/CNKH, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 12/10/2015 cho bà N và ông V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà N và ông V có 01 con tên Lâm Khánh B, sinh ngày 22/6/2016.

Giao cháu B cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc tạm thời không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông V xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N và ông V xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043440 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**